

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt quy mô 4.800 con lợn thịt/lúa (9.600 con lợn thịt/năm)” tại thôn Ea Ly, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn số 4780/STNMT-MT ngày 19/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt quy mô 4.800 con lợn thịt/lúa (9.600 con lợn thịt/năm)” tại thôn Ea Ly, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; Công văn số 01/HKD đề ngày 6/01/2025 của Hộ kinh doanh Phạm Công Quyết về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt quy mô 4.800 con lợn thịt/lúa (9.600 con lợn thịt/năm)” tại thôn Ea Ly, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 20/TTr-STNMT ngày 14 /01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt quy mô 4.800 con lợn thịt/lúa (9.600 con lợn thịt/năm)” tại thôn Ea Ly, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (sau

đây gọi là Dự án) của Hộ kinh doanh Phạm Công Quyết (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Buôn Đôn;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Các phòng: TH, CN, KT;
- Hộ kinh doanh Phạm Công Quyết (Đ/c: Tổ 8, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN THỊT QUY MÔ 4.800 CON
LỢN THỊT/LÚA (9.600 CON LỢN THỊT/NĂM)” TẠI THÔN EA LY, XÃ
EA WER, HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thịt quy mô 4.800 con lợn thịt/lúa (9.600 con lợn thịt/năm)” tại thôn Ea Ly, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ dự án: Hộ kinh doanh Phạm Công Quyết

- Địa điểm thực hiện: Thôn Ea Ly, xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Địa chỉ liên hệ: Tô 8, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô sử dụng đất: 69.732,2 m².

- Quy mô chăn nuôi: 4.800 con lợn thịt/lúa (9.600 con lợn thịt/năm).

- Sản phẩm của Dự án: Lợn thịt (lợn xuất bán) đạt trọng lượng 100-120 kg/con.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình chăn nuôi: chăn nuôi mô hình lạnh, tập trung, khép kín theo công nghệ chăn nuôi của Công ty Cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam.

- Hình thức chăn nuôi: Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam cung cấp con giống ban đầu, hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc lợn; cung cấp toàn bộ thức ăn, các loại thuốc kháng sinh, phòng, điều trị bệnh, thuốc sát trùng và bao tiêu sản phẩm đầu ra.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình xây dựng:

TT	Hạng mục công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Số lượng	Diện tích (m ²)
I	Khu nuôi lợn và phụ trợ				7.830,6
1	Nhà nuôi lợn cai sữa	30	20,5	2	1.230
2	Nhà nuôi lợn thịt	50	26	4	5.200
3	Silo cám	3	3	6	54
4	Nhà xe sát trùng xe, Nhà sát trùng tài xế	16,2	4,7	1	88
		6	1,9		
5	Nhà bảo vệ, nhà cách ly	4,6	8	1	37
6	Nhà sát trùng công	13,6	8,9	1	121

7	Nhà bếp, nhà ăn	6,1	5	1	30,8
8	Tháp nước sinh hoạt	2	1,3	1	3
9	Nhà ở công nhân, kỹ thuật	21	5,2	1	109
10	Kho thuốc, dụng cụ, nhà vệ sinh, phòng giặt	16,4	4,3	1	71
11	Trạm biến thế	5,5	4,5	1	25
12	Nhà để máy phát điện	5	4,2	1	21
13	Nhà sát trùng khu sản xuất, nhà ăn ca	11	6	1	66
14	Tháp nước	6,6	4,6	1	30
15	Bể nước	13,2	10,4	1	137
16	Bể tự hoại	4,4	1,9	1	8
17	Đài nhập lợn	4,2	3,2	1	13
18	Nhà xuất nhập lợn	8	5	1	40
19	Nhà để phân, máy ép phân	15	7	1	105
20	Bể thu gom	5	3	1	15
21	Hố chôn xác	3	2	1	6
22	Hàng rào cách ly (MD)	-	-	1,772mđ	-
23	Đường lùa lợn	-	-	1	420,9
24	Kho chứa chất thải	4	2	1	8,0
II	Hệ thống giao thông				3.388,0
1	Đường nội bộ	-	-	1	2.849,0
2	Sân thể thao bê tông	-	-	1	539,0
III	Hệ thống xử lý chất thải				11.811,6
1	Hồ Biogas	50	30	2	3.000
2	Hồ lắng	30	30	1	900
3	Hệ thống XLNT	42	9,8	1	412
4	Hồ chứa nước sau xử lý	50	30	4	6.000
5	Hồ chứa nước mưa	50	30	1	1.500
IV	Cây xanh và không gian cách ly				46.702,01
1	Cây xanh	-	-	1	21.476
2	Không gian cách ly	-	-	1	25.226,01
	Tổng cộng				69.732,20

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn thảm thực vật);

+ Hoạt động đào đắp, san gạt mặt bằng;

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị;

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án; hoạt động sinh hoạt của công nhân.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động chăn nuôi;

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Dự án;

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại Dự án;

+ Hoạt động vệ sinh; bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động thu dọn thảm thực vật; đào đắp, san gạt mặt bằng;

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án;

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu làm phát sinh bụi, khí thải;

- Nước thải sinh hoạt, nước thải thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- Hoạt động chăn nuôi lợn, quy trình như sau: Lợn con đã được kiểm dịch (Lợn con ≥ 7 kg, 18 - 30 ngày tuổi) \rightarrow Quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng đạt trọng lượng khoảng 105kg) \rightarrow xuất bán.

- Tác động đến môi trường khi Dự án đi vào hoạt động gồm: bụi, khí thải, mùi hôi, nước thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt (Phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân và nhân viên phục vụ Dự án) với lưu lượng khoảng 2,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án với lưu lượng khoảng 3 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

+ Nước thải chăn nuôi (Gồm có: Nước vệ sinh chuồng trại, nước tiểu của lợn, và nước thải từ hoạt động ép phân): Phát sinh với lưu lượng khoảng 97 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), chất lơ

lũng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn thảm thực vật); đào đắp, san gạt mặt bằng; thi công xây dựng các hạng mục chính, các hạng mục công trình phụ trợ, các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, VOCs.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi; hoạt động của các phương tiện vận chuyển của công nhân, vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Dự án; từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂, CH₄, NH₃.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt;

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 16 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì, vỏ chai lọ, giấy carton, nilon, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh khoảng 10,4 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm: bao bì giấy, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu không đạt chuẩn, rơi vãi trong suốt quá trình thi công (Ước tính khoảng 41,2 tấn/ thời gian xây dựng).

- Giai đoạn vận hành:

+ Phân lợn khô (2,97 tấn/ngày);

+ Bùn từ hầm biogas (15,3 kg/ngày);

+ Bùn thải từ HTXLNT (132 kg/ngày);

+ Chất thải rắn thông thường khác: bao bì (403,2kg/tháng)

+ Lợn chết không do dịch bệnh (tỷ lệ khoảng 3%): 144 con/đợt.

- Tính chất/thành phần: Phân lợn chứa xenluloz, lignin, protein, các sản phẩm phân giải của protein, lipid, axit hữu cơ và vô cơ. Ngoài ra trong phân có hàm lượng N, K, P.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh khoảng 47 kg/tháng, phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu với khối lượng ít; thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau có dính dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy, pin, bao bì cứng nhựa có chứa thành phần nguy hại...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng khoảng 120kg/tháng; thành phần chủ yếu là các loại bao bì thuốc thú y, dụng cụ thú y (bơm kim tiêm,...), bao bì hóa chất, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, giẻ lau, gang tay dính dầu mỡ bôi trơn thải. Ngoài ra, khi có dịch bệnh phát sinh, dự án sẽ có xác lợn chết do dịch bệnh cần phải tiêu hủy, xử lý.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh từ hoạt động san gạt, đào đắp; vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động chăn nuôi; vận hành các máy móc, thiết bị phục vụ Dự án; các phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của Dự án.

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án (trên đường liên xã) và vùng dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Tác động đến hoạt động giao thông trong khu vực dự án và vùng dự án.

+ Tác động do hoạt động khai thác nước dưới đất: Việc khai thác nước ngầm thường xuyên, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật sẽ có nguy cơ làm hạ thấp mực nước ngầm trong khu vực; gây sụt lún các lớp đất đá trong tầng chứa nước và gây sụt lún công trình

+ Tác động do sự cố cháy nổ, dịch bệnh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng sẽ được thu gom, xử lý bằng nhà vệ sinh di động mà các nhà thầu xây dựng phải bố trí trong phạm vi xây dựng công trình. Số lượng nhà vệ sinh di động dự kiến lắp đặt là 04 nhà vệ sinh. Định kỳ 6 tháng/lần sẽ thuê đơn vị hút bể phốt để chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Quy trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Được thu gom, xử lý sơ bộ (Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: Được thu gom cùng với phân lợn → Theo đường ống dẫn nước thải PVC D250 mm (Bố trí dọc theo dãy chuồng nuôi lắp đặt ngầm phía dưới đất) → Bể thu gom 1 → Bơm, ép tách phân (Tách khoảng 70% lượng phân lẫn trong nước thải) → Nước thải sau khi đã tách phân (Phân lợn còn lại lẫn trong nước thải ước khoảng 30% lượng phân thu gom) → Bể thu gom 2 → Hàm biogas → Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Hệ thống ống dẫn thu gom nước thải từ chuồng nuôi đến các bể thu gom được thiết kế theo hệ thống tuyến công, kết cấu BTCT với kích thước đường kính D350, D200 và không trùng với đường ống thoát nước khác; có tạo độ dốc

để thoát nước. Các hạng mục của công trình xử lý nước thải được chống thấm theo quy định.

- Công suất, công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Công suất 150 m³/ngày đêm):

Nước thải (Thu gom chung với phân lợn) → Bể thu gom (Ngăn 1) → Bơm, ép tách phân; nước thải sau khi đã tách phân → Bể thu gom (Ngăn 2) → Hàm biogas → Bể điều hòa → Bể Anoxic 1 → Bể Aerotank 1 → Bể Anoxic 2 → Bể Aerotank 2 → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa nước sau xử lý (đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi trước khi sử dụng cho hoạt động tưới cây; QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng) → Tái sử dụng tưới cây trong khuôn viên dự án.

Thông số cơ bản của các bể trong hệ thống xử lý nước thải tập trung:

STT	Công trình Đơn vị	Thể tích thiết kế m ³	Số lượng Bể	Kích thước thiết kế			Chiều cao bảo vệ m	Tổng chiều cao m	Thời gian lưu
				Chiều dài m	Chiều rộng m	Chiều cao m			
1	Hồ thu gom	37,5	1	5	3	2,5	0,5	3	4,5 giờ
2	Hàm biogas 1-2	7500	2	50	30	5	0,5	5,5	50 ngày
3	Hồ lắng	2700	1	30	30	3	0,5	3,5	15 ngày
4	Bể thu gom	12	1	2	2	3	0,5	3,5	1,44 giờ
5	Bể điều hòa	150	5	10	5	3	0,5	3,5	18 giờ
6	Bể Anoxic 1-5	36	5	4	3	3	0,5	3,5	4,32 giờ
7	Bể MBBR 1-4	90	4	10	3	3	0,5	3,5	10,8 giờ
8	Bể lắng sinh học 1-4	36,75	4	3,5	3,5	3	0,5	3,5	4,41 giờ
9	Bể trung gian	15	1	2,5	2	3	0,5	3,5	1,8 giờ
10	Bể hóa lý 1-4	18	4	3	2	3	0,5	3,5	2,16 giờ
11	Bể phản ứng	18	1	3	2	3	0,5	3,5	2,16 giờ
12	Bể lắng hóa lý 1-4	27	4	3	3	3	0,5	3,5	3,24 giờ
13	Bể khử trùng	12	1	2	2	3	0,5	3,5	1,44 giờ
14	Bể lắng	12	1	2	2	3	0,5	3,5	1,44 giờ
15	Bể xả thải	12	1	2	2	3	0,5	3,5	1,44 giờ
16	Bể chứa bùn	36	1	4	3	3	0,5	3,5	6 tháng
17	Hồ chứa nước sau xử lý 1-4	9000	4	50	30	6	0,5	6,5	300 ngày
18	Hồ chứa nước mưa	9000	1	50	30	6	0,5	6,5	90 ngày

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, đảm bảo các quy định hiện hành. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B), QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng; được lưu chứa tại hồ chứa nước dự trữ để tái sử dụng tưới cây trong khuôn viên dự án; nghiêm cấm hành vi xả nước thải đã qua xử lý ra ngoài môi trường và đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 13/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải (*Hợp nhất Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ*), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn thi công:

- Tất cả các phương tiện, thiết bị tham gia thi công xây dựng và vận tải phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường. Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực dự án được phủ bạt để hạn chế việc rơi vãi, phát tán chất thải trên đường vận chuyển; chở đúng tải trọng quy định; phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu lượng bụi trên công trường với tần suất 1-2 lần/ngày, gia tăng tần suất vào mùa khô và những ngày nắng nóng. Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng phù hợp, phủ bạt che chắn tránh phát tán gây ô nhiễm bụi.

- Công trình: Bố trí 01 cầu rửa xe tại vị trí gần khu vực cổng ra vào của công trường.

b) Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải giai đoạn vận hành:

- Giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi, tiếng ồn từ quá trình chăn nuôi:

+ Chuồng trại chăn nuôi được thiết kế thông thoáng, lắp đặt hệ thống lạnh và kín, đảm bảo các quy định về an toàn kỹ thuật trong chăn nuôi và khả năng thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Lắp đặt quạt thông gió để thông thoáng khí trong khu vực nhà kho. Bố trí lưới chống côn trùng trong khu vực chuồng trại để ngăn chặn sự xâm nhập của các côn trùng vào khu vực chăn nuôi, đảm bảo an toàn sinh học trong chăn nuôi.

+ Xử lý mùi hôi trong khu vực chuồng trại chăn nuôi bằng chế phẩm sinh học EM pro - 1. Lắp đặt hệ thống phun sương, hệ thống quạt gió để phun chế phẩm EM pro - 1 tại mỗi chuồng nuôi, bố trí dọc theo 2 bên dãy chuồng để hấp thụ các chất gây mùi và hỗ trợ tiêu diệt các vi sinh vật có hại trong môi trường không khí chuồng nuôi.

+ Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh và phòng chống dịch bệnh theo quy trình chăn nuôi của Công ty. Vệ sinh chuồng trại thường xuyên, tránh lưu trữ, tồn đọng phân và nước thải trong chuồng (Định kỳ 1 ngày/lần). Sử dụng chế phẩm sinh học EM để giảm thiểu mùi hôi trong quá trình ủ phân.

+ Tại khu nhà ép phân, chứa phân khô, mùi phát sinh được hút qua hệ thống ống dẫn không khí dẫn đến lớp than hoạt tính có chiều dày 2-3 cm đặt chắn ngang đường ống dẫn khí để hấp thụ mùi.

- Giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải:

+ Bê tông hóa các tuyến đường giao thông khu vực hệ thống XLNT, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường và lắp đặt hệ thống tưới nước tự động cho các con đường trong nội bộ khu xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra, giám sát môi trường xung quanh tại khu vực;

+ Các hóa chất xử lý nước thải như: bột khử trùng Clorin, bột keo tụ tạo bông PAC,... cần được bao, bọc cẩn thận tránh phát tán ra ngoài không khí. Đồng thời thao tác thực hiện chăm hóa chất cần đúng quy trình và trình tự hướng dẫn vận hành nhằm tránh rơi vãi và phát sinh bụi, mùi;

+ Cần túc trực vận hành và kiểm soát nước thải tại HTXLNT nhằm tránh sự cố xảy ra gây yếm khí phát sinh các mùi khó chịu: H_2S , Mercaptan, kiểm soát mùi hôi phát sinh từ quá trình ủ phân: Phân lợn sau máy ép phân được đưa về nhà ủ phân; quá trình ủ phân có sử dụng chế phẩm vi sinh, phủ bạt để tăng hiệu quả xử lý và hạn chế phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh.

- Các biện pháp khác:

+ Xây dựng tường rào bao quanh khu vực Dự án, cách ly khu vực chăn nuôi và khu vực xử lý chất thải với đường nội đồng và vùng lân cận.

+ Bê tông đường giao thông nội bộ. Trồng và duy trì diện tích cây xanh; đảm bảo tỷ lệ, mật độ cây xanh và các yêu cầu về khoảng cách, hành lang an toàn theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án, bảo đảm môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn thi công:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng chứa rác có nắp đậy (loại 120 lít) đặt tại khu vực nhà tạm hiện có để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định. Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án; chất thải có thể tái chế được thu gom, bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Sinh khối phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng sẽ được thu gom, tận dụng hoặc chôn lấp trong khu vực dự án.

- Tận dụng lượng đất đào thải vào san lấp mặt bằng, thực hiện theo đúng

quy định tại Khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010 và các quy định khác có liên quan. Toàn bộ chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng” và Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy (loại 120 lít) đặt tại khu nhà điều hành, bếp ăn... để thu gom tất cả các loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ Dự án; thực hiện phân loại chất thải tại nguồn để có biện pháp xử lý theo quy định.

Đối với chất thải có nguồn gốc hữu cơ: Được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực Dự án.

Đối với chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Thu gom, lưu chứa trong thùng chứa (loại 120 lít) và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

Chất thải chăn nuôi:

Phân lợn (Được thu gom chung với nước thải) → Bể thu gom 1 → Bơm, ép tách phân (Bằng máy ép phân; tách được khoảng 70% lượng phân có trong nước thải) → Phân lợn thu được sau máy ép phân → Nhà ủ phân (Thực hiện ủ phân trong điều kiện hiếu khí có đảo trộn với thời gian là 25 ngày, che phủ bằng bạt HDPE; trong quá trình ủ phân có rải một lớp mỏng nấm Trichoderma kết hợp tưới đều dung dịch chế phẩm EM đã pha) → Đóng bao, lưu giữ trong nhà chứa phân → Bán cho đơn vị làm phân bón (Yêu cầu phân bón xuất bán ra ngoài trang trại phải đảm bảo đáp ứng được các quy định hiện hành về sản xuất và kinh doanh phân bón).

Lợn chết trong quá trình chăm sóc: Được tiến hành cho vào hố huỷ xác để tiêu huỷ xác heo. Hố huỷ xác được lót bạt HDPE dày 1mm, bờ được đắp cao hơn nền 0,5m để ngăn nước mưa chảy tràn vào bên trong. Kích thước: 01 hố đào với kích thước 3m x 2m x 8m = 48 m³. Bề mặt hố huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Bao bì đựng cám thải: Được thu gom, phun dung dịch sát khuẩn và tận dụng để chứa phân. Trường hợp Dự án có phát sinh dịch bệnh, bao bì thải sẽ được thu gom và tiêu huỷ (Bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh tại khu vực đất dự phòng tiêu huỷ lợn chết).

Giấy làm mát được định kì thu gom, lưu trữ trong nhà chứa rác và xử lý chung với CTR sinh hoạt.

Bùn thải: Được thu gom định kỳ và quản lý theo quy định pháp luật về quản lý chất thải rắn.

Bùn thải thu gom từ bể tự hoại: Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định quản lý chất thải công nghiệp thông thường.

Bùn thải từ hầm biogas (Được thu gom định kỳ trong từng đợt nuôi) → Máy ép để giảm độ ẩm → Nhà ủ phân.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải → Máy ép để giảm độ ẩm → Bể lưu chứa bùn thải.

Thực hiện lấy mẫu, phân định, phân loại bùn thải để có biện pháp quản lý theo quy định (Nếu bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại; nếu bùn thải không có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại thì được quản lý như chất thải công nghiệp thông thường).

Chất thải chăn nuôi được vận chuyển theo đường vận chuyển riêng, đảm bảo các quy định về an toàn, vệ sinh dịch tễ và môi trường.

Công trình nhà ủ phân: thiết kế khu vực ủ phân có diện tích 75 m², yêu cầu thiết kế xây nhà cấp 4, cao khoảng 3m gồm có khu vực ủ phân và khu vực lưu trữ phân 30m². Nền lát xi măng mác #75 dày 20 cm, dưới là lớp bê tông đá 1x2 mác #200 dày 100; trụ bê tông, mái lợp tôn mạ kẽm, vì kèo thép, độ dốc nền 1-2%. Mặt trước nhà ủ phân để trống, mặt sau và mặt bên bên lợp tone. 01 máy ép phân (Công suất 5m³/giờ).

Yêu cầu: Thực hiện phân định, phân loại bùn thải và có biện pháp quản lý theo quy định. Chất thải rắn chăn nuôi được thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác”. Phải đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án được thu gom, quản lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại:

a) *Giai đoạn thi công, xây dựng:* Thu gom, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa riêng (Có nắp đậy, dán nhãn theo quy định). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

b) *Giai đoạn vận hành:*

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo đúng quy định; được lưu giữ tạm thời trong kho lưu giữ chất thải nguy hại theo đúng quy định (Diện tích khoảng 20m²). Định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

Đối với Lợn chết do dịch bệnh:

Áp dụng đúng biện pháp xử lý theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Cục Thú y. Tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 “Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn”; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT và QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

Sử dụng hố đào 3m x 2m x 8m = 48 m³ để xử lý, tiêu hủy lợn chết do dịch bệnh bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh; đảm bảo các quy định pháp luật về thú y và bảo vệ môi trường.

c) *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, giám sát, quản lý; đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

4.3.1. Giai đoạn thi công:

- Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

- Công trình: không có.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Khu vực dự án cách xa khu dân cư, do đó âm thanh phát ra từ khu vực chuồng trại ảnh hưởng không đáng kể đến khu vực xung quanh. Bố trí hàng rào bao quanh Dự án, trồng dải cây xanh cách ly dọc theo tường rào; chuồng trại được thiết kế dưới dạng kín để giảm thiểu tác động do tiếng ồn từ các hoạt động của Dự án.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về xử lý nước thải:

- Lập kế hoạch kiểm tra, bảo trì thường xuyên các hồ/bể xử lý. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; trang bị thiết bị dự phòng tại hệ thống xử lý nước thải (máy bơm, máy thổi khí,..).

- Đường ống thoát nước thải được thiết kế âm so với mặt đất từ 0,5m-0,7m; đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, có tạo độ dốc để thoát nước dễ dàng.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với hầm biogas: Phải tiến hành kiểm tra để xác định nguyên nhân xảy ra sự cố và có biện pháp khắc phục phù hợp.

- Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung (Do vận hành không hiệu quả hoặc cần kiểm tra, sửa chữa): Nước thải sẽ được bơm về lưu chứa tại hồ dự trữ để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố; sau đó được bơm trở lại Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý; đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - cột B, QCVN 01-195:2022/BNNPTNT trước khi chuyển qua hồ dự trữ để tái sử dụng tưới cây trong khu vực dự án.

b) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố về điện, cháy nổ:

Tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn và phòng chống cháy nổ.

c) Phương pháp phòng chống dịch bệnh:

- Tuân thủ kế hoạch tiêm phòng bệnh dịch và các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định về phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019, Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

a) Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Thường xuyên khơi thông dòng chảy theo địa hình, không để xảy ra tình trạng ngập úng khu vực dự án và vùng lân cận.

+ Quản lý chất thải xây dựng phát sinh trên công trường theo đúng quy định, không để phát tán dầu nhớt thải vào đất hoặc trôi theo dòng nước.

- Giai đoạn vận hành: Bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với nước thải. Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án (sân và đường nội bộ) → Thu gom theo hệ thống mương dẫn nội bộ bằng bê tông (Bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ và sân bãi) → thoát theo địa hình (từ Đông Nam xuống Tây Bắc) ra ngoài khu vực đường giao thông giáp ranh dự án.

+ Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống PVC D114mm → hồ gas → mương dẫn → thoát theo địa hình (từ Đông Nam xuống Tây Bắc) ra ngoài khu vực đường giao thông giáp ranh dự án.

+ Nước mưa chảy tràn trên mặt đất tại Diện tích cây xanh của Dự án một phần tự thấm, một phần được thu gom vào mương đất được đào bao quanh trang trại, có kích thước rộng x sâu: 1000mm x 500mm, tạo độ dốc 0,5% thoát theo địa hình (từ Đông Nam xuống Tây Bắc) đổ về suối cận tiếp giáp phía Bắc của dự án.

- Hệ thống mương dẫn nội bộ và mương thoát nước mưa sẽ được nạo vét định kỳ để loại bỏ rác, cặn lắng và khơi thông dòng chảy.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông:

Xây dựng phương án tổ chức thi công phù hợp; đảm bảo các hoạt động trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành của Dự án không gây ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân trên tuyến đường khu vực thực hiện Dự án.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc khai thác nước ngầm tại dự án:

- Tuân thủ đúng các quy định pháp luật về hoạt động khai thác nước dưới đất phục vụ Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý có liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất. Báo cơ quan chức năng khi phát hiện có dấu hiệu bất thường xảy ra (Hiện tượng sụt mực nước ngầm; sụt lún các công trình xung quanh khu vực

khai thác; thay đổi về chất lượng nước ngầm ...).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng:

5.1.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

Tần suất giám sát: thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác và chất thải nguy hại.

Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng “Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng” và Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng và bùn thải trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.1.2. Giám sát khác:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng Dự án.

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

- Nội dung giám sát: Công tác PCCC, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún, sạt lở, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường có thể xảy ra.

- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành Dự án:

5.2.1. Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

Vị trí giám sát: thực hiện giám sát tại 03 điểm (Tại vị trí chịu tác động bởi hoạt động của Dự án về phía cuối hướng gió; cách khoảng 30 m đối với khu chuồng nuôi, khu vực xử lý nước thải, khu vực ủ phân và chứa phân).

Thông số quan trắc: Tiếng ồn, Bụi tổng số, CO, SO₂, NH₃, H₂S, NO₂, CH₄.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Giám sát nước thải:

Thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và theo Giấy phép môi trường.

a) *Giám sát đối với nước thải trước khi xử lý (Đầu vào hệ thống xử lý nước thải)*

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Vị trí giám sát: 01 điểm (Sau bể thu gom 2, trước khi chuyển nước thải vào Bể điều hòa của Hệ thống xử lý nước thải).

Thông số: Theo dõi lưu lượng, nhiệt độ.

b) *Giám sát đối với nước thải sau khi xử lý*

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu ra của HTXLNT trước khi vào hồ chứa nước thải 1.

Thông số quan trắc: Lưu lượng, nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng Coliform, Clorua, Asen (As), Chì (Pb), E.coli.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi (Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho).

QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng (pH, Clorua, Asen, Cadimi, Tổng Crom, Thủy ngân, Chì, E.coli).

5.2.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

Vị trí giám sát: Nhà ủ phân, nhà chứa phân, khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn thông thường.

Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường.

Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (Theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.2.4. Giám sát chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi) và khi chuyển giao chất thải cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Vị trí giám sát: Nhà lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại; khu vực tiêu

hủy lợn chết do dịch bệnh.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.2.5. Giám sát chất lượng nước dưới đất:

Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

Vị trí giám sát: 01 điểm (Giếng khoan của Dự án).

Thông số giám sát: pH, độ đục, Độ cứng tổng số (theo CaCO_3), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amoni (NH_4^+ tính theo N), Nitrit (NO_2 tính theo N), Clorua (Cl^- Florua (F^-), Sắt (Fe), Cadimi (Cd), Asen (As), Coliform, E. Coli.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.2.6. Giám sát nguy cơ về dịch bệnh:

Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

Vị trí giám sát: Khu vực chăn nuôi và chôn lấp lợn chết.

Nội dung giám sát: Công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y và tiêu hủy nhau thai, lợn chết (Do dịch bệnh và không do dịch bệnh).

Tuân thủ theo các quy định, quy chuẩn pháp luật hiện hành về trồng trọt, chăn nuôi, thú y và bảo vệ môi trường.

5.2.7. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác:

Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi).

Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.

Nội dung giám sát: Nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước mưa và thoát nước mưa, hệ thống thu gom và thoát nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác PCCC; an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động.

Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về thu gom và xử lý nước thải, phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện, quản lý bảo vệ rừng bền vững và các quy định khác liên quan.

6. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, đảm bảo hoạt động theo đúng quy mô, công suất đã được phê duyệt. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được triển khai xây dựng Dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định pháp luật.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực lân cận; đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng biện pháp về công nghệ để giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, khu vực lưu chứa và xử lý chất thải của Dự án.

6.4. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án, đảm bảo các quy định hiện hành. Nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B), QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng.

6.5. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án; lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra, cấp phép trước khi vận hành công trình xử lý chất thải theo khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường; Báo cáo kế hoạch, kết quả vận hành thử nghiệm theo mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau khi được cấp giấy phép môi trường, chủ dự án vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; đăng ký môi trường trước khi vận hành chính thức sau khi đã hoàn thành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.6. Đảm bảo khoảng cách, hành lang an toàn trong khu vực dự án và các đối tượng xung quanh, đảm bảo an toàn lộ giới theo đúng quy định của pháp luật. Bố trí đường vận chuyển chất thải riêng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát các công trình lưu giữ, xử lý chất thải của dự án.

6.7. Thực hiện đầy đủ thủ tục về khai thác nước dưới đất theo quy định. Chỉ khai thác nước giếng khoan sau khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép; thực hiện khai thác với lưu lượng phù hợp với trữ lượng nước ngầm tại khu vực được phê duyệt và phù hợp với Giấy phép khai thác được cấp.

6.8. Tuân thủ các quy định về an toàn và phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Việc chôn lấp, tiêu hủy vật nuôi chết do dịch bệnh phải được thực hiện theo quy định Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

6.9. Thiết lập mô hình quản lý, vận hành Dự án và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường và công khai phiếu kết quả

quan trắc chất thải định kỳ theo đúng quy định pháp luật hiện hành; báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và lưu giữ các tài liệu có liên quan đến báo cáo tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

6.10. Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện Dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có sự thay đổi so với Quyết định phê duyệt này, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng quy định tại Khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường./.